

Số: 764/GPMT-UBND

Long Khánh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số: 11/2024/CV/JPVN-MT ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Nhà máy sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, công suất 5.000.000 mét sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm); hoàn thiện sản phẩm dệt, công suất 1.000.000 mét sản phẩm/năm; hoàn thiện họa tiết trên vải, cắt dập thành các chi tiết bộ phận của giày, công suất 9.000.000 sản phẩm/năm tại Nhà xưởng số 1A, địa chỉ: Đường số 3, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Juan Poveda Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1112/TTr-TNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Juan Poveda Việt Nam, tại Nhà xưởng 1A, địa chỉ: Đường số 3, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, công suất 5.000.000 mét sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm); hoàn thiện sản phẩm dệt, công suất 1.000.000 mét sản phẩm/năm; hoàn thiện họa tiết trên vải, cắt dập thành các chi tiết bộ phận của giày, công suất 9.000.000 sản phẩm/năm, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, công suất 5.000.000 mét sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm); hoàn thiện sản phẩm dệt, công suất 1.000.000 mét sản phẩm/năm; hoàn thiện họa tiết trên vải, cắt dập thành các chi tiết bộ phận của giày, công suất 9.000.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 3, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603661319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/8/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 20/5/2022.

1.4. Mã số thuế: 3603661319.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (không bao gồm công đoạn nhuộm); hoàn thiện sản phẩm dệt; hoàn thiện họa tiết trên vải, cắt dập thành các chi tiết bộ phận của giày.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích nhà xưởng của dự án là 2.552 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, công suất 5.000.000 mét sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm); hoàn thiện sản phẩm dệt, công suất 1.000.000 mét sản phẩm/năm; hoàn thiện họa tiết trên vải, cắt dập thành các chi tiết bộ phận của giày, công suất 9.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Juan Poveda Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Juan Poveda Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Juan Poveda Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai;
- Công ty Cổ phần KCN Long Khánh;
- Bộ phận TN&TKQ thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao
(*đề nghị đăng trên Trang TTĐT thành phố*);
- UBND xã Bình Lộc;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (NN);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Đại Giang

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 764/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống thu gom nước thải:

- Các nguồn nước thải phát sinh chủ yếu tại Công ty cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải theo tuyến ống HDPE ϕ 114 nối từ nhà vệ sinh về bể tự hoại, nước ra khỏi bể tự hoại theo tuyến ống PVC ϕ 200 dẫn về ống thoát nước thải bằng bê-tông ϕ 300 chảy ra hố ga thoát nước thải của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

+ Nước thải sản xuất: nước phát sinh từ quá trình làm mềm vải, vệ sinh máy móc và giặt theo đường ống nhựa PVC D60 vào hố thu gom dọc theo nhà xưởng. Sau đó được bơm về Hố thu gom của của HTXL có công suất 30m³/ngày. đèm bằng đường ống uPVC D60 dài 90m, đầu nối vào hố ga thoát nước thải trên đường số 3, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

Nước thải sản xuất sau xử lý và nước thải sinh hoạt theo tuyến ống PVC ϕ 200 được dẫn về ống thoát nước bằng bê-tông ϕ 300 chảy ra vị trí xả thải là hố ga N7P11 (tọa độ: X = 1212616; Y = 443399) trên đường số 3, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để xử lý.

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa khoảng 42 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để xử lý.

+ Nước thải sản xuất → Hồ thu gom → Bể oxy kết hợp lắng → Bể trung gian 1 → Bể trung gian 2 → Bồn lọc áp lực → Cột lọc than hoạt tính → Hồ sau xử lý → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 20 m³.

+ Hệ thống xử lý nước thải, thể tích 30 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, bơm hút định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản d Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Khánh, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 764/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của UBND thành phố Long Khánh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (hoạt động sản xuất của dự án không phát sinh khí thải tại nguồn).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

- Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 764/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Hoạt động của các máy phun bột màu, cuộn sợi, đan, bện, móc sợi, máy nhiệt.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại các máy phun bột màu, cuộn sợi, đan, bện, móc sợi, máy nhiệt.

3. Tiếng ồn:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT.

STT	QCVN 24:2016/BYT		Tầng suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Giới hạn tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	85	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tầng suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khi vận hành. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 764/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	250	NH
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	50	KS
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	11.500	TĐ/HR
4	Mực in (Loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Lỏng	383.600	TĐ
5	Hộp chứa mực in (Loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	200	TĐ
Tổng cộng				395.600	

(*) *Phân loại: KS (Chất thải công nghiệp phải kiểm soát); NH (Chất thải nguy hại); TĐ (Chất thải đặc); TĐ/HR (Chất thải đặc dư thừa).*

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Sợi phế, vải phế	Rắn	200
2	Bao bì nilon, nhựa thải	Rắn	400
3	Giấy, thùng carton, bao bì giấy	Rắn	2.250
4	Ván gỗ, pallet gỗ	Rắn	5.000
5	Hộp chứa mực in	Rắn	10
Tổng cộng			7.860

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	75
Tổng khối lượng		75

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy hoặc bố trí khu vực lưu chứa có khay chống tràn bên dưới đối với chất thải nguy hại dạng lỏng.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái, có biển báo và dán nhãn, có vật liệu hấp thụ trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 7,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng nhựa 240L có nắp đậy được bố trí xung quanh khu vực nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, đổ tràn chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 764/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.